

Số: 1050 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Ngoại ngữ tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 109 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 (2013 – 2017)	K57 (2015 – 2019)	K58 (2016 – 2020)	Cộng
1	Ngôn ngữ Anh	02	03	104	109

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Khoa Ngoại ngữ và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



Trang Sĩ Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020

Theo Quyết định số 1050 /QĐ-ĐHNT ngày 14 tháng 9 năm 2020

Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55131883	Nguyễn Thu Thủy	27/07/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.NNA-1	2013-2017
2	55132037	Phạm Nguyễn Khánh Trang	08/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.NNA-1	2013-2017
3	57132327	Ngô Thị Ngọc Chi	08/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.NNA-1	2015-2019
4	57130967	Lê Thị Kim Nhung	10/09/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.NNA-4	2015-2019
5	57132312	Trần Tố Uyên	26/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.NNA-1	2015-2019
6	58130001	Nguyễn Khánh An	22/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
7	58130005	Lê Thị Ngọc Anh	02/07/1997	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
8	58130009	Trần Ngọc Hoàng Anh	02/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.NNA-1	2016-2020
9	58130032	Hồ Ái Đông	04/07/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
10	58130027	Quảng Trần Mỹ Duyên	09/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
11	58130035	Nguyễn Lê Nguyên Hà	22/11/1998	Phú Yên	Nữ	Giỏi	58.NNA-1	2016-2020
12	58130037	Vi Hồng Hào	13/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
13	58130051	Đinh Thị Kim Hồng	09/09/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
14	58130059	Huỳnh Hoàng Khoa	06/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.NNA-1	2016-2020
15	58130063	Huỳnh Nguyễn Thanh Linh	25/05/1998	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.NNA-1	2016-2020
16	58130072	Huỳnh Bảo Long	11/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.NNA-1	2016-2020
17	58130078	Ksor H' Miôn	20/06/1998	Gia Lai	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
18	58130083	Trần Thị Diễm My	16/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
19	58130982	Bùi Thị Bích Ngân	16/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.NNA-1	2016-2020
20	58130103	Lữ Thị Lâm Oanh	10/05/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
21	58130112	Lê Ngọc Quyên	17/08/1998	Ninh Thuận	Nữ	Giỏi	58.NNA-1	2016-2020
22	58130134	Hoàng Thị Thảo	03/04/1998	Nghệ An	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
23	58130140	Phan Hữu Thế	08/08/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.NNA-1	2016-2020
24	58130145	Trần Thị Kim Thòa	21/11/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
25	58130325	Trương Thị Anh Thư	12/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.NNA-1	2016-2020
26	58130151	Lê Thị Kim Thúy	28/02/1998	Phú Yên	Nữ	Giỏi	58.NNA-1	2016-2020
27	58130168	Đặng Quang Triệu	09/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.NNA-1	2016-2020
28	58130125	Lê Ngọc Tú	17/09/1997	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
29	58130182	Lê Nguyễn Hoài Uyên	08/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.NNA-1	2016-2020
30	58130189	Nguyễn Thị Hồng Viên	07/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.NNA-1	2016-2020
31	58130192	Phan Thị Vy	04/10/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
32	58130200	Nguyễn Bảo Hoàng Vy	07/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-1	2016-2020
33	58130002	Nguyễn Thị Thúy An	27/03/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
34	58130006	Nguyễn Hồ Kim Anh	16/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
35	58130010	Võ Hồ Quế Anh	24/04/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
36	58130021	Nguyễn Thị Dung	20/08/1998	Nghệ An	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
37	58130024	Lương Thị Mỹ Duyên	03/05/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
38	58130030	Vũ Thị Mỹ Duyên	04/01/1997	Đắk lắk	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
39	58133099	Trần Thị Hà	30/04/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
40	58130040	Đỗ Thị Thu Hiền	24/07/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020

KSK

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
41	58130047	Trần Thị Mỹ	Hòa	01/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
42	58130058	Võ Trần Mỹ	Kim	13/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
43	58130065	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
44	58130075	Hà Thị Trúc	Ly	05/10/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
45	58130087	Lê Thị Thanh	Ngân	27/11/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
46	58130104	Nguyễn Đình Thiên	Phú	12/01/1997	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.NNA-2	2016-2020
47	58130119	Trần Anh	Tất	03/03/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.NNA-2	2016-2020
48	58130135	Huỳnh Vi	Thảo	06/03/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
49	58130142	Nguyễn Thị Quỳnh	Thi	11/08/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
50	58130150	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	20/03/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
51	58130166	Nguyễn Thị Huyền	Trân	17/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
52	58130169	Dương Thị Mỹ	Trình	22/09/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
53	58130177	Trương Thị Thanh	Trúc	03/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
54	58130127	Nguyễn Thị	Tuyết	05/01/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
55	58130190	Phạm Thị Kiều	Viên	28/04/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
56	58130533	Phạm Ngọc Quốc	Việt	08/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	58.NNA-2	2016-2020
57	58130196	Lâm Tự Kim	Yến	10/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
58	58130003	Võ Phương Thiên	An	26/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
59	58130007	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	21/07/1998	Lâm Đồng	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
60	58133124	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	13/09/1997	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
61	58130016	Lương Thị	Cơ	10/06/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
62	58130031	Lại Ngọc Thùy	Dương	27/04/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
63	58130025	Nguyễn Thanh Thùy	Duyên	23/05/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
64	58130033	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	03/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
65	58130044	Nguyễn Quang	Hiếu	12/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	58.NNA-3	2016-2020
66	58130048	Lê Thị Thu	Hoài	12/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
67	58130053	Trần Hải	Huyền	16/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
68	58130061	Hồ Ngọc	Liêm	05/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.NNA-3	2016-2020
69	58130068	Trần Thu	Linh	10/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
70	58130076	Vi Thị Ngọc	Mai	18/10/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
71	58130080	Nguyễn Phan Hoài	My	10/11/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
72	58130089	Trần Kim	Ngân	29/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
73	58130098	Trần Thị	Nhi	10/04/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
74	58139001	Nguyễn Lê Thanh	Phương	13/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
75	58130132	Nguyễn Hồ	Thái	02/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.NNA-3	2016-2020
76	58130136	Lê Phương	Thảo	22/05/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
77	58130143	Lê Hoàng	Thịnh	07/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	58.NNA-3	2016-2020
78	58130157	Nguyễn Hồ Việt	Thương	02/05/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
79	58130161	Võ Thị Hà	Trang	19/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.NNA-3	2016-2020
80	58130129	Lê Minh	Tư	10/10/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.NNA-3	2016-2020
81	58130184	Nguyễn Thị Thu	Uyên	27/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
82	58130194	Trần Nguyễn Thảo	Vy	26/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
83	58130197	Phan Nữ Hoàng	Yến	14/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
84	58130004	Lê Quang	Anh	18/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.NNA-4	2016-2020
85	58130640	Lê Quỳnh	Anh	26/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.NNA-4	2016-2020

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
86	58130011	Cao Nguyệt Ánh	18/11/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
87	58130026	Nguyễn Thùy Duyên	24/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
88	58130034	Trần Thị Thanh Giang	09/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
89	58130038	Hoàng Thị Thu Hằng	18/07/1998	Phú Yên	Nữ	Trung bình	58.NNA-4	2016-2020
90	58130045	Trương Ngọc Hiếu	03/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
91	58130054	Vũ Thị Mỹ Huyền	20/04/1997	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
92	58130062	Huỳnh Thị Liền	08/02/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
93	58130964	Nguyễn Thị Khánh Linh	30/01/1998	Nghệ An	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
94	58130073	Trần Thị Minh Lộc	18/01/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
95	58130077	Phạm Thị Kim Mi	29/01/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
96	58130082	Nguyễn Thị Trà My	08/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.NNA-4	2016-2020
97	58130094	Trần Thị Tường Nguyên	16/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
98	58130099	Võ Thị Yến Nhi	18/07/1998	Phú Yên	Nữ	Giỏi	58.NNA-4	2016-2020
99	58130102	Lê Thị Kim Oanh	01/08/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
100	58130138	Nguyễn Thị Bích Thảo	30/01/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
101	58130155	Trần Anh Thư	15/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
102	58130159	Nguyễn Thị Thương	09/09/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
103	58130122	Nguyễn Thị Thanh Tiến	26/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
104	58130167	Nguyễn Thị Thúy Triều	14/07/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
105	58130124	Đặng Thị Tú	21/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
106	58131039	Lê Hoa Quốc Tuấn	22/03/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.NNA-4	2016-2020
107	58130484	Bùi Thị Ánh Tuyết	27/11/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
108	58130188	Phan Thị Nhật Vi	25/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-4	2016-2020
109	58130191	Trần Huy Vũ	30/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.NNA-4	2016-2020

Danh sách có 109 sinh viên

Handwritten signature

Red circular stamp